

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/DS-ST

Ngày: 23 - 11 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Uyên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Hồng;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Hồ Minh Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 76/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964 và ông Lê Minh C, sinh năm 1958; nơi thường trú: Số 176, ấp B, xã C, huyện G, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hà Công Đ, sinh năm 1973; nơi thường trú: Khu 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh L; nơi tạm trú: Số 380 Nguyễn Văn Tiêt, phường L, thị xã T, tỉnh B (theo văn bản ủy quyền ngày 19/01/2018), có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lý D, sinh năm 1983; nơi thường trú: 47B, khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh B, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị C, sinh năm 1984; nơi thường trú: 47B, khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh B, vắng mặt.

3.2. Ông Lê Minh T, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp 5, xã C, huyện G, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào khoảng tháng 4 năm 2016, vợ chồng nguyên đơn có cho vợ chồng ông Lý D và bà Lê Thị C mượn số tiền 510.000.000 đồng để làm ăn. Do bà C là con gái ruột và ông Lý D là con rể của nguyên đơn nên khi cho vay tiền không lập thành văn bản. Vào thời điểm cho vay tiền, nguyên đơn chỉ có số tiền 110.000.000 đồng. Do vợ chồng Lý D nói nguyên đơn vay thêm ngân hàng thêm 400.000.000 đồng cho đủ giải quyết việc làm ăn nên vợ chồng nguyên đơn đã thỏa thuận để ông Lê Minh C đứng ra vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện G, tỉnh B số tiền 400.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 2016.07.14.0199/HĐTD ngày 21/4/2016 cho đủ tiền giao cho vợ chồng Lý D. Khi cho vay, vợ chồng Lý D biết rõ số tiền 400.000.000 đồng là tiền vợ chồng nguyên đơn thế chấp quyền sử dụng đất để vay ngân hàng, biết rõ kỳ hạn thanh toán tiền gốc và cam kết trả tiền gốc cho ngân hàng theo kỳ hạn ghi trong phụ lục hợp đồng, vợ chồng Lý D cam kết sẽ trả tiền lãi và gốc cho ngân hàng theo kỳ hạn ngân hàng quy định trên số tiền vay 400.000.000 đồng. Riêng đối với số tiền 110.000.000 đồng của nguyên đơn giành dụm được nên chỉ cho mượn chứ không lấy lãi.

Thời gian đầu từ tháng 5 năm 2016 đến tháng 4 năm 2017, vợ chồng Lý D đều gửi đầy đủ tiền về cho nguyên đơn trả tiền lãi ngân hàng. Tiền lãi hàng tháng được vợ chồng Lý D chuyển vào tài khoản của con trai nguyên đơn là ông Lê Minh T, số tài khoản là 7107205080372 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện G, tỉnh B, sau đó ông T rút tiền về đưa cho nguyên đơn. Tháng nào ông D và bà C về thăm thì đưa tiền trực tiếp cho nguyên đơn. Tuy nhiên, từ sau tháng 4 năm 2017 thì vợ chồng ông Lý D không chuyển tiền về để nguyên đơn trả lãi ngân hàng theo quy định. Do nguyên đơn ở xa nên không biết vợ chồng Lý D xảy ra mâu thuẫn trong hôn nhân. Tháng 4 năm 2017, thì nguyên đơn biết việc vợ chồng Lý D ly hôn và có Đơn thỏa thuận tài sản chung lập ngày 07/4/2017 với nội dung: Xác nhận có nợ của nguyên đơn số tiền 510.000.000 đồng, trong đó hai bên thỏa thuận bà Lê Thị C chịu trách nhiệm trả 110.000.000 đồng, ông Lý D trả 400.000.000 đồng cho nguyên đơn và tiền lãi hàng tháng của số tiền 400.000.000 đồng. Ngoài ra, trong đơn thỏa thuận tài sản chung, Lý D còn cam kết sẽ trả cho nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong năm 2017. Tuy nhiên, đến hết năm 2017, ông Lý D không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 400.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi hàng tháng như đơn thỏa thuận ngày 07/4/2017.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Lý D phải trả lại cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng; kèm theo tiền lãi ngân hàng từ tháng 5/2017 số tiền 25.406.500 đồng. Tổng số tiền yêu cầu trả là 425.406.500 đồng.

Đồng thời, yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi với lãi suất 1% trên số tiền 400.000.000 đồng từ ngày 01/01/2018 đến ngày đưa vụ án ra xét xử.

Đối với số tiền 110.000.000 đồng trong khoản vay 510.000.000 đồng, trong vụ án này nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Lý D trả số tiền 400.000.000 đồng, số tiền 110.000.000 đồng nguyên đơn không yêu cầu xem xét, nếu sau này có tranh chấp nguyên đơn sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

Nguyên đơn thống nhất với Kết luận giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay số 202/GĐ-PC54 ngày 10/7/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương và không có yêu cầu gì khác.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Lý D phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền 400.000.000 đồng. Chỉ yêu cầu ông Lý D phải trả số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện gồm:

Bản chính và bản photo Đơn thỏa thuận tài sản chung lập ngày 07/4/2017;

Bản sao sổ phụ tài khoản ngân hàng số 7107205080372 của Ấp 5, xã C, huyện G, tỉnh B;

Bản photo chứng từ giao dịch với tên khách hàng Lê Minh C nội dung trả nợ vay từ tháng 5/2017 đến tháng 12/2017.

- Tại bản tự khai, quá trình tố tụng, bị đơn ông Lý D trình bày: Ông Lý D là chồng của bà Lê Thị C nhưng đã ly hôn từ tháng 4/2017. Bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Minh C là cha mẹ ruột của bà C.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông D không đồng ý vì ông D xác định từ trước đến nay ông D và bà C chưa bao giờ vay mượn của ông C, bà Đ số tiền 510.000.000 đồng. Đối với Đơn thỏa thuận tài sản chung lập ngày 07/4/2017 thì ông D xác định ông D chưa bao giờ viết, ký tên và lấn tay vào văn bản nói trên. Ông D không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay trong Đơn thỏa thuận tài sản chung lập ngày 07/4/2017.

Bị đơn không đồng ý với Kết luận giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay số 202/GĐ-PC54 ngày 10/7/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương, tuy nhiên bị đơn xác định bị đơn không yêu cầu giám định lại mà cho rằng nếu nguyên đơn cho rằng bị đơn viết, ký tên, lấn tay trong Đơn thỏa thuận tài sản chung lập ngày 07/4/2017 thì nguyên đơn tự yêu cầu giám định lại.

Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố.

- Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị C trình bày:

Bà Lê Thị C và ông Lý D kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã T, tỉnh B đến tháng 5/2017 ly hôn theo Quyết định công nhận thuận

tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 318/2017/QĐST-HNGĐ ngày 03/5/2017.

Vào khoảng tháng 4/2016, bà C và ông Lý D có vay của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Minh C là cha mẹ ruột của bà C số tiền 510.000.000 đồng để làm ăn. Trong đó, bà C giữ 110.000.000 đồng để chi tiêu dần trong gia đình còn 400.000.000 đồng thì ông D giữ để làm ăn (làm gì thì bà C không biết). Trong số tiền 510.000.000 đồng này thì có 400.000.000 đồng cha của bà C là ông Lê Minh C đứng ra thế chấp quyền sử dụng đất để vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện G, tỉnh B, còn số tiền 110.000.000 đồng là tiền nguyên đơn giành dụm được. Trong thời gian từ tháng 4/2016 đến tháng 4/2017, hàng tháng ông D đều gửi tiền về cho nguyên đơn để trả tiền lãi ngân hàng. Tiền lãi hàng tháng được chuyển vào tài khoản của em trai bà C tên là Ấp 5, xã C, huyện G, tỉnh B, tài khoản ngân hàng số 7107205080372 thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện G, tỉnh B, rồi ông T rút tiền về đưa cho ông C, bà Đ đi đóng tiền lãi ngân hàng. Tháng nào ông D và bà C về thăm thì đưa tiền trực tiếp cho bà Đ, ông C.

Đến ngày 07/4/2017, do ông D và bà C xác định sẽ lập thủ tục ly hôn nhưng không muốn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên ông D và bà C thỏa thuận lập Đơn thỏa thuận tài sản chung với nội dung: Bà C phải trả cho ông C, bà Đ số tiền 110.000.000 đồng; còn ông D phải trả cho ông C, bà Đ số tiền 400.000.000 đồng trong năm 2017 cộng với lãi suất hàng tháng trên số tiền 400.000.000 đồng. Đơn thỏa thuận này do ông D tự viết, ký tên và lặn tay.

Tuy nhiên, từ tháng 5/2017 đến nay, ông D không thực hiện việc gửi tiền về cho nguyên đơn tiền để trả lãi hàng tháng cũng như không trả cho nguyên đơn số tiền nợ 400.000.000 đồng theo như thỏa thuận trong Đơn thỏa thuận tài sản chung.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi phát sinh từ số tiền này kể từ thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến khi vụ án được xét xử thì bà C không có ý kiến gì, yêu cầu Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Đối với khoản tiền nợ 110.000.000 đồng trong số tiền nợ 510.000.000 đồng nguyên đơn không yêu cầu xem xét trong vụ án này, bà C cũng không yêu cầu xem xét và không có yêu cầu độc lập đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như với số tiền 110.000.000 đồng, nếu sau này có tranh chấp đối với số tiền này thì sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C đồng ý với kết luận giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay số 202/GĐ-PC54 ngày 10/7/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương, không có yêu cầu gì khác và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 13/9/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T trình bày:

Ông T là con ruột của bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Minh C, là em của bà Lê Thị C. Trước đây, ông T không hay biết việc vay mượn tiền của vợ chồng Lý D với nguyên đơn. Tuy nhiên, từ tháng 01/2016 khi ông T lập tài khoản thẻ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện G, tỉnh B, số tài khoản là 7107205080372 thì nguyên đơn mới nói với Lý D chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của ông T để ông T đi rút tiền về đưa cho nguyên đơn để nguyên đơn đi đóng tiền lãi, sau này ông T mới biết là nguyên đơn có cho vợ chồng Lý D vay số tiền 510.000.000 đồng để làm ăn, cho vay khi ông D và bà C chưa ly hôn (nhưng không biết vay cụ thể thời gian nào). Hàng tháng vợ chồng ông D chuyển vào tài khoản của ông T khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng, mỗi lần chuyển tiền là ông D gọi điện báo cho ông T đi rút tiền về đưa cho nguyên đơn, ông D chuyển về bao nhiêu tiền thì ông T rút hết để đưa cho nguyên đơn. Do thời gian đã lâu và anh chị em trong nhà thường hay mượn tài khoản của ông T để chuyển tiền về cho nguyên đơn nên ông T không nhớ rõ khi nào thì ông D không chuyển nữa, chỉ nhớ rõ từ đầu năm 2018 đến nay thì không chuyển nữa.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông T không liên quan nên không có ý kiến gì và không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Ông T thống nhất với Kết luận giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay số 202/GĐ-PC54 ngày 10/7/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương và không có yêu cầu gì khác.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy: Căn cứ Đơn thỏa thuận tài sản chung ngày 07/4/2017 và kết luận giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của ông Lý D trên Đơn thỏa thuận tài sản chung ngày 07/4/2017 và lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C thống nhất với nhau nên khẳng định giữa ông Lý D và bà Lê Thị C có vay của nguyên đơn số tiền 510.000.000 đồng. Xét Đơn thỏa thuận tài sản chung ngày 07/4/2017 được lập trên cơ sở tự nguyện của hai bên nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Lý D phải trả số tiền 400.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn Lý D phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền 400.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và pháp luật áp dụng: Nguyên đơn ông Lê Minh C và bà Nguyễn Thị Đ cho rằng vào tháng 4 năm 2016, nguyên đơn có cho ông Lý D và bà Lê Thị C vay số tiền 510.000.000 đồng. Ông D và bà C thỏa thuận ông D trả cho nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi ngân hàng phát sinh trong năm 2017 nhưng hết năm 2017, ông D vẫn không trả nợ cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lý D thanh toán số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh; nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Khoản 3, Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015).

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lý D có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 47B, khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh B vì vậy theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điều 36 và Điểm a, Khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Việc xét xử vắng mặt đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C và ông Lê Minh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng; bị đơn ông Lý D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng trong vụ án nhưng không đến Tòa án theo quy định. Do đó, căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản: Ông Dũng, bà C và ông T khẳng định giữa ông Dũng, bà C và ông T không có mối quan hệ làm ăn kinh tế nào liên quan đến tiền bạc, nhưng tại bảng kê chi tiết (sổ phụ) tài khoản thẻ số 7107205080372 của ông T thể hiện hàng tháng ông D đều chuyển tiền vào tài khoản này, nguyên đơn, bà C, ông T đều xác định tiền này được chuyển vào để ông T rút đưa cho nguyên đơn trả lãi vay ngân hàng. Điều này phù hợp với lời khai của nguyên đơn và bà C về việc vào tháng 4/2016 có cho vợ chồng ông Lý D và bà Lê Thị C vay số tiền 510.000.000 đồng, hàng tháng ông D đều chuyển tiền về cho nguyên đơn đóng tiền lãi thông qua tài khoản của ông T. Trong khi đó, theo Kết luận giám định chữ viết, chữ ký, dấu vân tay xác định: Chữ ký, chữ viết họ tên, 02 dấu vân tay màu đỏ mang tên “Lý D” và chữ viết có nội dung bắt đầu bằng “Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ...” và kết thúc “... sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Bên A ký tên, Bên B ký tên” trên Đơn thỏa thuận

tài sản chung ngày 07/4/2017 là do ông Lý D ký, viết và in ra. Một phần nội dung Đơn thỏa thuận tài sản chung lập ngày 07/4/2018 như sau: “*Bên A và Bên B...còn nợ bên mẹ vợ Bên B số tiền 510.000.000 VND...Bên A trả nợ cho mẹ Bên B hết trong thời gian năm 2017 là 400.000.000 VND...*”. Nội dung trong đơn thỏa thuận phù hợp với lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng từ giao dịch qua tài khoản thẻ của ông T. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Minh C có cho vợ chồng ông Lý D, bà Lê Thị C vay số tiền 510.000.000 đồng vào năm 2016.

Về thời hạn vay: Nguyên đơn cho rằng ban đầu vay thì không thỏa thuận thời hạn cụ thể nhưng hai bên thăm hiểu là sẽ theo thời hạn vay ngân hàng. Tuy nhiên sau đó ông D và bà C đã thỏa thuận lại sẽ trả nợ cho nguyên đơn trong năm 2017, nguyên đơn biết và đồng ý với đơn thỏa thuận này nên xác định thời hạn vay đến hết năm 2017. Do hết năm 2017, bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngày 12/3/2018 nguyên đơn khởi kiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay 510.000.000 đồng:

Đối với khoản tiền vay 110.000.000 đồng trong số tiền vay 510.000.000 đồng: Do nguyên đơn và bà C không yêu cầu xem xét trong vụ án này mà cho rằng nếu sau này có tranh chấp đối với số tiền 110.000.000 đồng thì sẽ khởi kiện trong một vụ án khác. Trong vụ án này, nguyên đơn chỉ yêu cầu Lý D trả số tiền gốc 400.000.000 đồng. Xét đây là ý chí tự nguyện, phù hợp với quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét số tiền vay 110.000.000 đồng cùng trong vụ án này.

Đối với yêu cầu trả số tiền 400.000.000 đồng, xét thấy: Tại Đơn thỏa thuận tài sản chung ngày 07/4/2017, ông D và bà C thỏa thuận về việc ông D có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng trong năm 2017. Biên bản này do ông D tự lập trên cơ sở ý kiến thỏa thuận thống nhất của ông D và bà C. Đây là ý chí tự nguyện của ông D và bà C, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông D trả cho nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu về lãi suất: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Lý D phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền 400.000.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận, sẽ đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

Từ phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Minh C đối với bị đơn ông Lý D về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, buộc ông Lý D có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Minh C số tiền 400.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

Chi phí giám định: Ông Lý D phải chịu chi phí giám định chữ viết, chữ ký, dấu vân tay theo quy định của pháp luật.

Án phí: Ông Lý D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3, Điều 26; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Minh C về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn ông Lý D.

Buộc ông Lý D có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Minh C số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi suất phát sinh trên số tiền 400.000.000 đồng đến thời điểm vụ án được xét xử.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về chi phí giám định: Ông Lý D phải chịu chi phí giám định chữ viết, chữ ký, dấu vân tay số tiền 2.550.000 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Do ông C, bà Đ đã nộp đủ số tiền này nên ông Lý D có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho ông C, bà Đ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lý D phải chịu 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Minh C số tiền tạm ứng án phí 10.508.130 đồng (mười triệu năm trăm lẻ tám nghìn một trăm ba mươi đồng) theo Biên lai thu tiền số 0023410 ngày 04/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tố Uyên